

Số:3090/KH-UBND

Hậu Giang, ngày 01 tháng 08 năm 2018

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2018 - 2025

Thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016 - 2025; Quyết định số 1472/QĐ-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016 - 2025; Chương trình hành động số 144-CTr/TU ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2018 - 2025, với những nội dung như sau:

I. THỰC TRẠNG

Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh (MCBGTKS) xuất hiện ở nước ta từ năm 2006, khi đó tỷ số giới tính khi sinh (TSGTKS) là 109,8 bé trai/100 bé gái. Trong những năm gần đây, TSGTKS tiếp tục tăng cao và đang ở mức đáng báo động, năm 2009 là 110,5 bé trai/100 bé gái; 2010 là 111,2 bé trai/100 bé gái, năm 2015 là 112,8 bé trai/100 bé gái, năm 2016 là 112,2 bé trai/100 bé gái. Dự báo TSGTKS ở nước ta sẽ còn tiếp tục tăng trong thời gian tới. Theo kết quả trên, nếu không có những biện pháp can thiệp kịp thời, dự báo đến năm 2050, Việt Nam sẽ có từ 2,3 đến 4,3 triệu nam giới thừa so với nữ giới.

Hệ lụy của MCBGTKS sẽ dẫn đến tình trạng “thừa nam, thiếu nữ” trong tương lai như: sự thiếu hụt phụ nữ ở tất cả các nhóm tuổi, một số ngành nghề vốn thích hợp với phụ nữ sẽ phải đối mặt với nguy cơ thiếu lao động như giáo viên mầm non, tiểu học, y tá, may mặc... quy mô dân số nam vượt trội sẽ có những tác động tiêu cực đến các chỉ số nhân khẩu học của dân số, đến hôn nhân và gia đình, đến trật tự trị an xã hội, không những không cải thiện được vị thế của người phụ nữ mà còn làm tăng thêm những vấn đề về bất bình đẳng giới như nhiều phụ nữ phải kết hôn sớm hơn, tỷ lệ ly hôn và tái hôn của phụ nữ sẽ tăng cao, tình trạng bạo hành giới, mua dâm, mua bán phụ nữ sẽ gia tăng...

Hậu Giang là một trong những tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long có tỷ số giới tính tăng và vượt mức cho phép từ năm 2011: Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái) năm 2011 là 111/100; năm 2012: 112/100; năm 2013: 109/100, năm 2014 là 110/100, năm 2015: 111/100 và 2016 là 114/100.

Năm 2017, tỷ số giới tính Hậu Giang là 111,4 bé trai/100 bé gái, cao hơn mức trung bình của khu vực ĐBSCL là 103,7 bé trai/100 bé gái và cả nước là 112,2 bé trai/100 bé gái. Tỷ số giới tính tăng đều ở 8/8 đơn vị huyện, thị, thành phố trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, cao nhất là thị xã Long Mỹ là 122 bé trai/100 bé gái. Có khả năng TSGTKS sẽ có chiều hướng tăng trong những năm tiếp theo. Ước tính đến năm 2030, nếu không can thiệp giảm thiểu MCBGTKS, Hậu Giang sẽ có 5.256 nam giới dư thừa so với nữ giới.

Nhưng Hậu Giang chưa có nghiên cứu khảo sát đánh giá vì sao tỷ số giới tính tăng và các giải pháp can thiệp phù hợp. Theo các nhà chuyên môn cho rằng nguyên nhân chính là do tư tưởng trọng nam khinh nữ, tâm lý mong đợi sự khác biệt về vai trò của con trai và con gái trong gia đình, “có con trai để nối dõi tông đường”, thờ cúng tổ tiên ăn sâu vào tiềm thức người dân, phụng dưỡng cha mẹ hay có con trai để làm quan. Hơn nữa, xu hướng và áp lực giảm sinh trong thời gian qua, mỗi cặp vợ chồng chỉ có từ 1-2 con, nên các cặp vợ chồng mong muốn trong số con của họ nhất thiết phải có con trai vì vậy đã tìm các dịch vụ y tế, xã hội để lựa chọn giới tính khi sinh, thường thấy nhiều hơn ở các hộ gia đình có học vấn, kinh tế khá giả so với các hộ nghèo hơn (theo Quỹ dân số Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam (UNFPA)). Bên cạnh đó, do chính sách đối với nữ giới chưa thỏa đáng, bình đẳng giới chưa được quan tâm đầy đủ.

Vì vậy, nhằm thay đổi dần quan niệm trọng nam khinh nữ hay gia đình có con trai mới được của người dân, từng bước nâng cao vị thế của người phụ nữ trong thời đại mới, giảm tối thiểu tình trạng lựa chọn giới tính khi sinh, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh ở Hậu Giang là việc làm cần thiết và cấp bách.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Không chế có hiệu quả tốc độ gia tăng TSGTKS, tiến tới đưa TSGTKS trở lại mức cân bằng tự nhiên góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Mục tiêu 1: 100% các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, các cặp nam nữ chuẩn bị kết hôn được cung cấp kiến thức về giới, bình đẳng giới, MCBGTKS.

- Mục tiêu 2: Giảm tốc độ tăng TSGTKS 0,3 điểm phần trăm/năm, tạo cơ sở thuận lợi để đưa tỷ số này đạt dưới 111 bé trai/100 bé gái sau năm 2020, đưa TSGTKS về mức cân bằng tự nhiên khoảng 107 bé trai/100 bé gái sau năm 2025.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện:

Kế hoạch được triển khai thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh (76/76 xã, phường, thị trấn).

2. Đối tượng:

- Các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ;

- Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp;
- Các tổ chức chính trị - xã hội; những cá nhân, tổ chức có liên quan đến cung cấp dịch vụ chẩn đoán, lựa chọn giới tính thai nhi;
- Những người có uy tín trong cộng đồng, người dân.

3. Thời gian thực hiện kế hoạch: giai đoạn 2018 - 2025.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

1. Khảo sát, đánh giá:

1.1. Các hoạt động chủ yếu:

- a) Khảo sát, đánh giá đầu vào thực trạng về MCBGTKS:
 - Tổ chức thống kê, tổng hợp số liệu trẻ sinh, TSGTKS định kỳ hàng tháng, quý, năm từ tuyến cơ sở;
 - Báo cáo kết quả theo phân cấp quản lý hàng tháng, quý, năm; đồng thời có đánh giá kết quả TSGTKS của mỗi địa phương.
- b) Khảo sát thu thập thông tin hàng năm về MCBGTKS:
 - Đánh giá kết quả TSGTKS cuối năm, đề ra phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo sát với tình hình thực tế của địa phương;
 - Phối hợp với Cục Thống kê tỉnh và các đơn vị có liên quan so sánh, đánh giá kết quả thực hiện cuối năm.

1.2. Phương thức thực hiện:

Sở Y tế chủ trì, chỉ đạo Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

2. Truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi:

2.1. Các hoạt động chủ yếu:

- a) **Nói chuyện chuyên đề:**
 - Tổ chức các cuộc nói chuyện chuyên đề về MCBGTKS và phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về nghiêm cấm tuyên truyền, phổ biến, chẩn đoán, lựa chọn giới tính thai nhi cho các đối tượng chuẩn bị kết hôn, các trường THPT, trường Cao đẳng trên địa bàn tỉnh;
 - Tổ chức tập trung vào những vùng có TSGTKS cao so với mặt bằng của tỉnh.
- b) **Tuyên truyền vận động:**
 - Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả tuyên truyền vận động trực tiếp về MCBGTKS đến các đối tượng tại cộng đồng, địa bàn cư trú thông qua mạng lưới cộng tác viên dân số, nhân viên y tế xã và tuyên truyền viên của các ngành, đoàn thể ở cơ sở;
 - Duy trì các cuộc họp nhóm tại địa bàn định kỳ theo hàng quý, tăng cường các nội dung, chủ đề có liên quan đến MCBGTKS.

c) Tuyên truyền, tư vấn:

Tổ chức tuyên truyền, tư vấn trực tiếp cho nam, nữ chuẩn bị kết hôn, người cung cấp dịch vụ liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi.

d) Tổ chức lồng ghép:

Lồng ghép các nội dung về giới, bình đẳng giới, các nội dung truyền thông về MCBGTKS vào các hoạt động văn hóa xã hội khác (*các cuộc họp, hội thảo của ngành với các cơ quan thông tấn báo chí và các đơn vị khác có liên quan*), các chương trình, chiến lược khác có liên quan.

e) Truyền thông đại chúng:

- Sản xuất và phát sóng, đăng tải các chương trình về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi; hệ lụy của MCBGTKS đối với gia đình và xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Hợp đồng xây dựng chuyên trang, chuyên đề với Báo Hậu Giang, Đài PTTH Hậu Giang; cộng tác tin, bài trên Tờ thông tin y tế, Báo Gia đình và Xã hội,...

2.2. Phương thức thực hiện:

Sở Y tế chủ trì, chỉ đạo Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

2.3. Dự kiến kết quả đầu ra:

- 100% cơ sở y tế công lập, tư nhân không cung cấp giới tính thai nhi khi thực hiện dịch vụ siêu âm thai; tư vấn bà mẹ không lựa chọn giới tính thai nhi;

- 100% nam, nữ chuẩn bị kết hôn hiểu và nhận thức được hậu quả của việc MCBGTKS;

- 100% các cấp ủy đảng, chính quyền có văn bản chỉ đạo và trực tiếp tham gia các hoạt động truyền thông về kiểm soát MCBGTKS;

- 100% các ấp, khu vực đưa nội dung tuyên truyền về bình đẳng giới, nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi,... Đưa các nội dung này vào tiêu chí "Gia đình văn hóa" trong hương ước, quy ước tập thể.

3. Biên soạn, cung cấp thông tin, tài liệu, sản phẩm truyền thông về MCBGTKS:

3.1. Các hoạt động chủ yếu:

a) Sản xuất và cung cấp bản tin, tài liệu truyền thông và vận động:

- Thực hiện bản tin tuyên truyền về thực trạng TSGTKS, hệ lụy của MCBGTKS, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước,...

- Biên soạn, nhân bản tờ rơi tuyên truyền cung cấp cho lãnh đạo địa phương cùng các ngành có liên quan, các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, cộng tác viên, người dân trên địa bàn,...

b) Xây dựng pano:

- Xây dựng các pano tuyên truyền tại các nơi tập trung dân cư, cơ sở cung cấp dịch vụ có liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi;

- Duy trì, bảo quản hàng năm, đồng thời tăng cường xây dựng mới ở những nơi có TSGTKS cao hơn so mặt bằng cả tỉnh.

c) Biên tập, nhân bản các sản phẩm truyền thông:

Biên soạn, nhân bản và cung cấp mới các sản phẩm truyền thông phù hợp với tình hình thực tế ở mỗi địa phương: tờ rơi, áp phích,... có nội dung dễ hiểu và phù hợp để cấp cho các đối tượng.

3.2. Phương thức thực hiện:

- Sở Y tế chủ trì, chỉ đạo Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện;

- Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh có trách nhiệm biên soạn, cập nhật và phát triển các tài liệu truyền thông với nội dung và hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng.

3.3 Dự kiến kết quả đầu ra:

- 100% các câu lạc bộ truyền thông dân số được cung cấp tài liệu tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt;

- 100% tuyến huyện có pano tuyên truyền về MCBGTKS;

- 100% các cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản công lập được cung cấp tài liệu tuyên truyền về MCBGTKS.

4. Đưa nội dung về MCBGTKS vào Trường Chính trị, Trường Cao đẳng, Trung học phổ thông.

4.1. Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức nói chuyện chuyên đề về nội dung MCBGTKS cho học sinh các trường THPT, lồng ghép nội dung tuyên truyền vào các buổi sinh hoạt ngoại khóa;

- Phối hợp Trường Chính trị và Trường Cao đẳng, đưa nội dung vào trong giảng dạy, với hình thức chuyên đề: giới và bình đẳng giới, vai trò và vị thế người phụ nữ, không lựa chọn giới tính thai nhi,...

4.2. Phương thức thực hiện:

- Sở Y tế chủ trì, chỉ đạo Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện;

- Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh chịu trách nhiệm biên soạn các nội dung sinh hoạt, làm đầu mối trong các hoạt động, tổ chức và chủ động trong công tác phối hợp thực hiện với các đơn vị có liên quan.

4.3. Dự kiến kết quả đầu ra:

- Có 23 trường THPT, 01 Trường Chính trị, 01 Trường Cao đẳng trong tỉnh được tổ chức nói chuyện chuyên đề về MCBGTKS;

- 100% các trường THPT được cung cấp tài liệu tuyên truyền về giới, giới tính, MCBGTKS;

- 100% các buổi sinh hoạt ngoại khóa của các Trường THPT trong tỉnh có nội dung tuyên truyền về giới, giới tính phù hợp lứa tuổi.

5. Xây dựng, thử nghiệm mô hình:

5.1. Các hoạt động chủ yếu:

- Duy trì hoạt động các câu lạc bộ hiện có, chọn câu lạc bộ làm điểm chỉ đạo, hỗ trợ tuyên truyền về giới và bình đẳng giới, MCBGTKS;

- Xây dựng mô hình điểm về truyền thông nâng cao nhận thức và thực hành không lựa chọn giới tính thai nhi trong cộng đồng trên địa bàn mỗi huyện (mô hình điểm triển khai ít nhất là 01 ấp, các hoạt động diễn ra: triển khai và tổng kết; đánh giá trước và sau khi xây dựng mô hình; truyền thông, tập huấn và giám sát; đối tượng là cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ và thanh niên chuẩn bị kết hôn).

5.2. Phương thức thực hiện:

Sở Y tế chỉ đạo Chi cục Dân số - KHHGĐ xây dựng và duy trì hoạt động các câu lạc bộ tuyên truyền về MCBGTKS, bình đẳng giới tại cộng đồng.

5.3. Dự kiến kết quả đầu ra:

- 100% các CLB hiện có duy trì hoạt động và CLB điểm được hỗ trợ kinh phí hoạt động, nội dung sinh hoạt;

- Mỗi huyện có ít nhất 01 mô hình điểm, trao đổi học tập rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình hoạt động hiệu quả.

6. Hội nghị, hội thảo về MCBGTKS:

6.1. Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện Đề án năm 2018;

- Tổ chức các sự kiện truyền thông tuyến tỉnh và huyện, tập trung vào các nội dung như: bình đẳng giới, ngày trẻ em gái, không lựa chọn giới tính thai nhi...

- Tổ chức hội nghị tôn vinh gia đình sinh con một bé là gái, nuôi con khỏe, dạy con ngoan trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức, tham dự hội nghị, hội thảo trong và ngoài tỉnh.

6.2. Phương thức thực hiện:

Sở Y tế chủ trì, chỉ đạo Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh tổ chức, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện.

7. Chính sách khuyến khích, hỗ trợ:

7.1. Các hoạt động chủ yếu:

- Khảo sát, đánh giá nhu cầu: trên cơ sở kho dữ liệu quản lý chuyên ngành, tiến hành rà soát, điều tra các nhóm đối tượng dự kiến áp dụng chính sách hỗ trợ;

- Tổ chức các hoạt động, sự kiện hỗ trợ khen thưởng cho trẻ em gái đạt thành tích khá, giỏi trong học tập.

7.2. Phương thức thực hiện:

Sở Y tế chỉ đạo Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh xây dựng, tham mưu thực hiện chính sách ưu tiên, hỗ trợ về vật chất, tinh thần cho trẻ em gái học giỏi; hỗ

trợ chính sách cho các cặp vợ chồng sinh con một bé là gái thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số.

8. Nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật về cấm các hình thức lựa chọn giới tính thai nhi:

8.1. Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức tập huấn phổ biến, giáo dục kiến thức pháp luật của nhà nước và quy định có liên quan đến việc nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi cho nhân viên ngành Y tế. Tuyên truyền sâu rộng đến các ngành, cơ quan nhà nước và trong nhân dân;

- Tổ chức tập huấn cho các đơn vị, cá nhân cung cấp dịch vụ có liên quan cam kết không lựa chọn giới tính thai nhi và tham gia tuyên truyền về kiểm soát MCBGTKS;

- Tập huấn cho cộng tác viên, cán bộ chuyên trách dân số xã, cán bộ huyện về kiến thức, văn bản quy phạm pháp luật, kỹ năng truyền thông về MCBGTKS;

- Tổ chức tập huấn, cung cấp kiến thức về MCBGTKS cho cấp ủy đảng, chính quyền, các nhà quản lý, những người uy tín trong cộng đồng;

- Tập huấn cung cấp kiến thức cho người dân thay đổi nhận thức về giới, giới tính, MCBGTKS tại cộng đồng;

- Cử cán bộ tập huấn chuyên môn quản lý nhà nước về công tác dân số - KHHGĐ, chuyên ngành thanh tra, kiến thức pháp luật về Dân số - KHHGĐ.

8.2. Phương thức thực hiện:

Sở Y tế chủ trì, chỉ đạo Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

8.3. Dự kiến kết quả đầu ra:

Phấn đấu 100% các đơn vị, cá nhân cung cấp dịch vụ có liên quan cam kết không tiết lộ giới tính khi siêu âm chẩn đoán thai, không thực hiện lựa chọn giới tính thai nhi và tham gia tuyên truyền về MCBGTKS.

9. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm các quy định về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi.

9.1. Các hoạt động chủ yếu:

- Thành lập đoàn thanh tra liên ngành định kỳ thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy định của pháp luật về nghiêm cấm việc cung cấp dịch vụ liên quan đến lựa chọn giới tính các cấp;

- Xây dựng mạng lưới cung cấp, thu nhận và xử lý thông tin tố giác, tố cáo vi phạm ở cộng đồng dân cư.

9.2. Phương thức thực hiện:

Sở Y tế phối hợp cùng các sở, ngành có liên quan thành lập đoàn thanh tra liên ngành; huy động các lực lượng thanh tra thực hiện kiểm tra định kỳ, giám

sát đối với các cơ sở sản xuất các sản phẩm truyền thông; các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc thai và các dịch vụ có liên quan.

9.3 Dự kiến kết quả đầu ra:

- 100% các sở, ngành có liên quan tham gia thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát;
- 100% UBND các cấp thực hiện phân công, giao trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan chuyên môn cùng cấp trong việc thanh tra, kiểm tra phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm có liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi.

10. Đào tạo, tập huấn về kiểm soát MCBGTKS:

10.1. Các hoạt động chủ yếu:

- Đào tạo, tập huấn về nội dung, phương pháp, kỹ năng truyền thông về MCBGTKS, bình đẳng giới;
- Tập huấn bắt buộc về các quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi, quy trình, quy phạm chuyên môn kỹ thuật cho nhân viên y tế các sở cung cấp dịch vụ liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi.

10.2. Phương thức thực hiện:

Sở Y tế phối hợp cùng Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh tổ chức các lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ dân số từ tuyến tỉnh đến xã và lực lượng cộng tác viên, nhằm cung cấp đầy đủ kiến thức và kỹ năng truyền thông các nội dung liên quan đến giới, bình đẳng giới, MCBGTKS,...

10.3. Dự kiến kết quả đầu ra:

- 100% cán bộ truyền thông các cấp, cộng tác viên dân số được tập huấn kỹ năng truyền thông về các nội dung như: kiểm soát MCBGTKS, lựa chọn giới tính thai nhi, giới và bình đẳng giới...
- 100% cơ sở y tế công lập, tư nhân cam kết tuân thủ quy định về chuyên môn kỹ thuật không tư vấn, can thiệp lựa chọn giới tính thai nhi.

11. Quản lý, giám sát và đánh giá kết quả:

11.1. Các hoạt động chủ yếu:

- Xây dựng kế hoạch chi tiết kinh phí và hướng dẫn nội dung thực hiện cụ thể hàng năm;
- Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện của cơ sở, kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế và hỗ trợ chuyên môn cho cơ sở;
- Thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ hàng tháng, quý, năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu;
- Xây dựng kế hoạch phát động thi đua, khen thưởng. Kịp thời đề xuất công tác thi đua khen thưởng để động viên, khích lệ những tổ chức, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- Tổ chức Hội nghị tổng kết kế hoạch thực hiện Đề án hàng năm, nhằm đánh giá kết quả thực hiện trong năm và đề ra phương hướng hoạt động trong năm tới theo hướng phù hợp với tình hình thực tế.

11.2. Phương thức thực hiện:

Sở Y tế chủ trì, chỉ đạo Chi cục Dân số - KHHGĐ chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của kế hoạch thực hiện Đề án.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2018 - 2025: **10.831.704.000đ** (mười tỷ tám trăm ba mươi một triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn đồng), trong đó: kinh phí Trung ương: 3.349.704.000đ; kinh phí địa phương: 7.482.000.000đ, từ nguồn kinh phí sự nghiệp y tế.

ĐVT: 1000đ

Thời gian	Kinh phí		Tổng kinh phí
	Nguồn kinh phí Trung ương	Nguồn kinh phí địa phương	
Năm 2018	774.663	579.300	1.353.963
Năm 2019	367.863	986.100	1.353.963
Năm 2020	367.863	986.100	1.353.963
Năm 2021	367.863	986.100	1.353.963
Năm 2022	367.863	986.100	1.353.963
Năm 2023	367.863	986.100	1.353.963
Năm 2024	367.863	986.100	1.353.963
Năm 2025	367.863	986.100	1.353.963

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo hiệu quả; chỉ đạo Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí chi tiết để triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và đảm bảo các nội dung kế hoạch;

- Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động của kế hoạch; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Tổng cục Dân số - KHHGĐ và các Bộ, ngành liên quan, UBND tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Tài chính:

Cân đối, bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện kế hoạch, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí đúng theo quy định.

3. Sở Tư pháp:

Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan trong việc rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, các chính sách theo hướng tăng cường hiệu quả, tạo hành lang pháp lý trong việc thực hiện giảm thiểu MCBGTKS.

4. Sở Lao động Thương binh và Xã hội:

Phối hợp cùng Sở Y tế trong việc tổ chức các lớp tập huấn, cung cấp tài liệu truyền thông liên quan đến giới, bình đẳng giới; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tuyến huyện phối hợp cùng Trung tâm Dân số - KHHGD huyện, thị xã, thành phố thực hiện nội dung kế hoạch.

5. Sở Thông tin và Truyền thông:

Phối hợp với Sở Y tế trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý các cơ sở sản xuất và kinh doanh (nhà xuất bản, cơ sở sản xuất, nhà sách, sạp báo...) các ấn phẩm có nội dung lồng ghép tuyên truyền lựa chọn giới tính thai nhi theo đúng quy định. Chỉ đạo các cơ quan truyền thông (*Báo Hậu Giang, Đài Phát thanh Truyền hình Hậu Giang, Đài Truyền thanh huyện...*) thực hiện các hoạt động tuyên truyền về MCBGTKS.

6. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch:

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện chương trình phát triển gia đình bền vững; phòng chống bạo lực gia đình gắn liền với các thiết chế văn hóa theo mục tiêu: “xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và phát triển bền vững”.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Phối hợp cùng Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các nội dung giáo dục về giới, bình đẳng giới, MCBGTKS trong nhà trường; lồng ghép phổ biến các nội dung vào chương trình giảng dạy, quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành.

8. Báo Hậu Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình Hậu Giang:

Tăng cường thời lượng phát sóng, số lượng tin bài, phóng sự, hình ảnh hoạt động và nâng cao chất lượng tuyên truyền về giới, MCBGTKS; tuyên dương các gia đình tiêu biểu sinh 02 con gái và nuôi dạy con thành đạt... trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục.

9. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể:

Huy động các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách về Dân số - KHHGD, nội dung về giới, bình đẳng giới và giảm thiểu MCBGTKS;

tích cực tham gia giám sát về tình hình lựa chọn giới tính thai nhi tại các cơ sở y tế, nhất là y tế tư nhân tại địa bàn dân cư; đồng thời nhanh chóng báo cáo về đơn vị chức năng chuyên môn để có biện pháp xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm chính sách về kiểm soát MCBGTKS.

10. UBND huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nội dung kế hoạch này để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện;

- Tăng cường nguồn lực và huy động toàn xã hội tham gia kiểm soát MCBGTKS; biểu dương khen thưởng kịp thời đối với người dân trong cộng đồng tham gia kiểm tra, giám sát phát hiện cá nhân, tổ chức có hành vi thực hiện lựa chọn giới tính thai nhi;

- Tập trung chỉ đạo, hỗ trợ nguồn lực, kinh phí cho Trung tâm Dân số - KHHGD và ban, ngành, đoàn thể cùng cấp để tổ chức triển khai có hiệu quả nội dung Kế hoạch thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2018 - 2025.

- Định kỳ hàng quý kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch tại địa phương, tổng hợp báo cáo kết quả hàng năm về UBND tỉnh (*thông qua Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh*).

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2018 - 2025; đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện; trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. LHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đồng Văn Thanh